

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2021
của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Thông báo số 242/TB-STC ngày 24/10/2022 của Sở Tài chính về việc thẩm định quyết toán ngân sách năm 2021;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2021 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (đính kèm phụ biểu và Thông báo số 242/TB-STC ngày 24/10/2022 của Sở Tài chính về việc thẩm định quyết toán ngân sách năm 2021)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở và Trưởng các phòng khối quản lý hành chính, thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- GD, các PGĐ Sở;
- Lưu: VT.



GIÁM ĐỐC


Trần Anh Minh

Mã chương: 425

Đơn vị: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Tây Ninh

Mã ĐVQHNS: 1030828

Mã cấp NS: 2

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 465/QĐ-SVHTTDL ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch TN)

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc
A	Quyết toán nguồn thu, phí, lệ phí				
I	Tổng số thu	9.764.000	9.764.000		
II	Chi từ nguồn thu để lại	7.689.200	7.689.200		
III	Số thu nộp NSNN	2.074.800	2.074.800		
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	59.304.856.175	59.182.182.175	-122.674.000	
I	Quản lý Hành chính (341)	6.304.173.372	6.304.173.372		
1	Văn phòng Sở	6.304.173.372	6.304.173.372		
	- Kinh phí thực hiện tự chủ	5.272.444.090	5.272.444.090		
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	1.031.729.282	1.031.729.282		
II	Kinh phí Sự nghiệp y tế (141)	302.587.820	302.587.820		
1	Văn phòng Sở	302.587.820	302.587.820		
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	302.587.820	302.587.820		
III	Sự nghiệp văn hóa (161)	21.476.961.308	21.375.371.708	-101.589.600	
1	Văn phòng Sở	7.244.310.175	7.244.310.175	0	
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	7.244.310.175	7.244.310.175		
2	Bảo tàng tỉnh	3.261.264.540	3.261.264.540	0	
	- Kinh phí thực hiện tự chủ	2.194.045.840	2.194.045.840		
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	1.067.218.700	1.067.218.700		
3	Thư viện tỉnh	3.666.404.093	3.666.404.093		
	- Kinh phí thực hiện tự chủ	2.603.949.633	2.603.949.633		
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	1.062.454.460	1.062.454.460		
4	Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật	7.304.982.500	7.203.392.900	-101.589.600	
	- Kinh phí thực hiện tự chủ	4.331.890.441	4.331.890.441		
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	2.973.092.059	2.871.502.459	-101.589.600	
IV	Sự nghiệp thể dục thể thao	15.167.231.788	15.167.231.788	0	
1	Văn phòng Sở	273.370.160	273.370.160		



STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	273.370.160	273.370.160		
2	Trung tâm Huấn luyện Thi đấu thể dục thể thao	14.893.861.628	14.893.861.628	0	
	- Kinh phí thực hiện tự chủ	3.974.322.695	3.974.322.695		
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	10.919.538.933	10.919.538.933		
V	Sự nghiệp đào tạo	13.768.479.100	13.768.479.100		
1	Văn phòng Sở	17.030.000	17.030.000		
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	17.030.000	17.030.000		
2	Trung tâm Huấn luyện Thi đấu thể dục thể thao	13.751.449.100	13.751.449.100		
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	13.751.449.100	13.751.449.100		
VI	Sự nghiệp môi trường	34.588.400	34.588.400		
1	Trung tâm Thông tin xúc tiến du lịch	34.588.400	34.588.400		
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ (SNMT)	34.588.400	34.588.400		
VII	Sự nghiệp kinh tế	2.085.202.357	2.064.117.957	-21.084.400	
1	Văn phòng Sở	362.156.660	362.156.660		
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	362.156.660	362.156.660		
2	Trung tâm Thông tin xúc tiến du lịch	1.682.203.277	1.661.118.877	-21.084.400	
	- Kinh phí thực hiện tự chủ	960.590.127	960.590.127		
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	721.613.150	700.528.750	-21.084.400	
VIII	Sự nghiệp kinh tế (292-100) Tuyên truyền an toàn giao thông	40.842.420	40.842.420		
1	Trung tâm văn hóa Nghệ thuật	40.842.420	40.842.420		
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ (292)	40.842.420	40.842.420		
IX	Sự nghiệp khác (Bầu cử)	33.332.030	33.332.030		
1	Trung tâm văn hóa Nghệ thuật	33.332.030	33.332.030		
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ (292)	33.332.030	33.332.030		
X	Trợ cấp tiền tết	132.300.000	132.300.000		
1	Văn phòng Sở	28.700.000	28.700.000		
2	Thư viện tỉnh	18.200.000	18.200.000		
3	Bảo tàng tỉnh	14.700.000	14.700.000		
4	Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật	32.900.000	32.900.000		
5	Trung tâm Thông tin xúc tiến du lịch	5.600.000	5.600.000		
6	Trung tâm Huấn luyện Thi đấu thể dục thể thao	32.200.000	32.200.000		
C	Nguồn thu sự nghiệp	308.923.400	308.923.400		
1	Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật	298.423.400	298.423.400		
2	Trung tâm Huấn luyện Thi đấu thể dục thể thao	10.500.000	10.500.000		

